TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02-01-2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: *không tham gia*

Ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị Hồng Đ,** sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Lâm Ngọc S,** sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20 tháng 9 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị Hồng Đ trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Lâm Ngọc S do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn

nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 23 tháng 4 năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp N, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long được 01 năm thì về sống chung gia đình chị tại ấp N, xã H khoảng 04 năm sau đó vợ chồng ra riêng tự lập. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh S không còn sống chung từ tháng 8 năm 2019 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Ngọc S.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Lâm Nhật B, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2005 hiện con chung đang sống với chị Đ. Sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con muốn theo ai thì người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,5m dài 13m xây dựng vào năm 2012 giá trị còn lại 70.000.000đ xây dựng trên phần đất tại thửa 1376 diện tích 3.810m^2 tờ bản đồ số 0003 đất toạ lạc tại ấp N, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Cao Thành V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nhận căn nhà, chị chia cho anh S số tiền 30.000.000đ.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 chị Đ có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung chị không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 10 tháng 9 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Lâm Ngọc S trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Thống nhất theo lời trình bày của chị Đ về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Giữa anh và chị Đ không có mâu thuẫn, anh chị không có sống ly thân. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ thì anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Lâm Nhật B, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2005 hiện con chung đang sống với chị Đ. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn tùy theo nguyện vọng của con muốn theo ai thì người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 10 tháng 9 năm 2019 cháu Lâm Nhật B, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2005 trình bày:*** khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy chứng nhận kết hôn bản gốc; giấy khai sinh bản sao; đơn xin xác nhận; phiếu chuyển phát nhanh; bảng khai ý kiến của cháu B; đơn khởi kiện bổ sung; đơn xin rút đơn khởi kiện bổ sung.

Bị đơn đã nộp: bảng khai ý kiến ngày 10 tháng 9 năm 2019.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tung: Tòa án triệu tập anh Lâm Ngọc S hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Anh S cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác, anh S biết rõ chị Đ xin ly hôn với anh. Nên quyết định xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị Hồng Đ và anh Lâm Ngọc S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 23 tháng 4 năm 2004. Theo lời trình bày của chị Đ sau ngày cưới vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Tại phiên toà chị Cao Thị Hồng Đ yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Lâm Nhật B, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2005 không yêu cầu anh Lâm Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Chị Cao Thị Hồng Đ rút lại yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Đ.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Cao Thị Hồng Đ và anh Lâm Ngọc S thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Cao Thị Hồng Đ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Hồng Đ.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Lâm Ngọc S.

[2] Con chung: Giao cháu Lâm Nhật B, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2005 cho chị Cao Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Cao Thị Hồng Đ không yêu cầu anh Lâm Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Cao Thị Hồng Đ. Chị Cao Thị Hồng Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Cao Thị Hồng Đ và anh Lâm Ngọc S thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Cao Thị Hồng Đ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0007606 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Cao Thị Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0007644 ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui